**Tiết 20, 21 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**

**ÔNG ĐỒ**

**– *Vũ Đình Liên*–**

**Môn học:** Ngữ văn; Lớp: 7A1

**Thời gian thực hiện :** 2 tiết

**TIẾT 1**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

Học sinh hiểu được sự đổi thay trong đời sống xã hội và sự tiếc nuối của nhà thơ đối với những giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc đang dần bị mai một.

- Lối viết bình dị mà gợi cảm của nhà thơ trong bài thơ.

***2. Về năng lực\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.

- Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn .

- Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

***3. Về phẩm chất:***Giáo dục lòng yêu những di sản văn hoá của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.- Tranh ảnh về nhà văn Vũ Đình Liên và văn bản “Ông Đồ”.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề** *(5 phút)*

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từphần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.**HS**quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**: Quan sát video về phong tục chơi chữ ngày Tết

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**HS** quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS** quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

**GV** hướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV:**chỉ địnhHS trả lời câu hỏi.

**HS:**trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

*Dòng thời gian tuy vô hình song cũng thật mạnh mẽ, dữ dội. Cả một thành trì văn hóa phong kiến khoa bảng hàng mười mấy thế kỉ cũng bị vết rày xéo của bọn thực dân làm cho mai một. Song chính hoàn cảnh đó lại là nguồn cảm hứng để những thi nhân gửi gắm nỗi niềm tâm sự của mình. Nhờ vậy mà ngày nay, cô trò chúng ta có dịp ngồi lại để thưởng thức những tác phẩm văn học đó. Có một tác phẩm được trình làng cách đây hàng 80 năm rồi nhưng đến khi đọc lại, chúng ta vẫn thấy nỗi niềm đau đáu và tâm sự nhớ về quá khứ vàng son của mình. Bài thơ mang tên “ Ông đồ” của cố thi sĩ Vũ Đình Liên phần nào giúp chúng ta ngược dòng thời gian trở về quá khứ.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** *(65 phút)*

**I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm sơ lược về tác giả, tác phẩm. Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.- Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.

- Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn .

**b. Nội dung**:

- **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung.

- **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm.

**c. Sản phẩm.**

**1. Tác giả**



- Vũ Đình Liên ( 1913 -1996). - Quê gốc Hải Dương nhưng sống ở Hà Nội.

- Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới.

- Ông là nhà thơ, nhà dịch thuật, nhà giáo.

- Thơ ông nặng lòng thương người và niềm hoài cổ

- Một số tác phẩm tiêu biểu: *Ông đồ, Lòng ta là những thành quách cũ, Lũy tre xanh*

**a) Đọc và giải nghĩa từ**

-Đọc

- Giải nghĩa từ:

+ ***Ông Đồ:*** Người dạy học chữ nho xưa. Nhà nho nếu không đỗ đạt làm quan, thường làm nghề dạy học, gọi là ông Đồ hoặc thầy đồ.

***+ Mực tàu***: Thỏi mực đen, mài với nước làm mực để viết chữ Hán hoặc chữ nho.

***+ Nghiên:*** Dụng cụ làm bằng chất liệu cứng, có lòng trũng để mài mực tàu.

**2. Tác phẩm:**

- **Hoàn cảnh sáng tác**: Khổ 1 viết năm 1935, mùa xuân năm 1936 mới hoàn thành nốt 4 khổ còn lại.

- **Xuất xứ**: In trên tạp chí “Tinh Hoa”.

- **Thể thơ**: Ngũ ngôn (5 chữ)

- **PTBĐ:** Biểu cảm ( Tự sự, miêu tả)

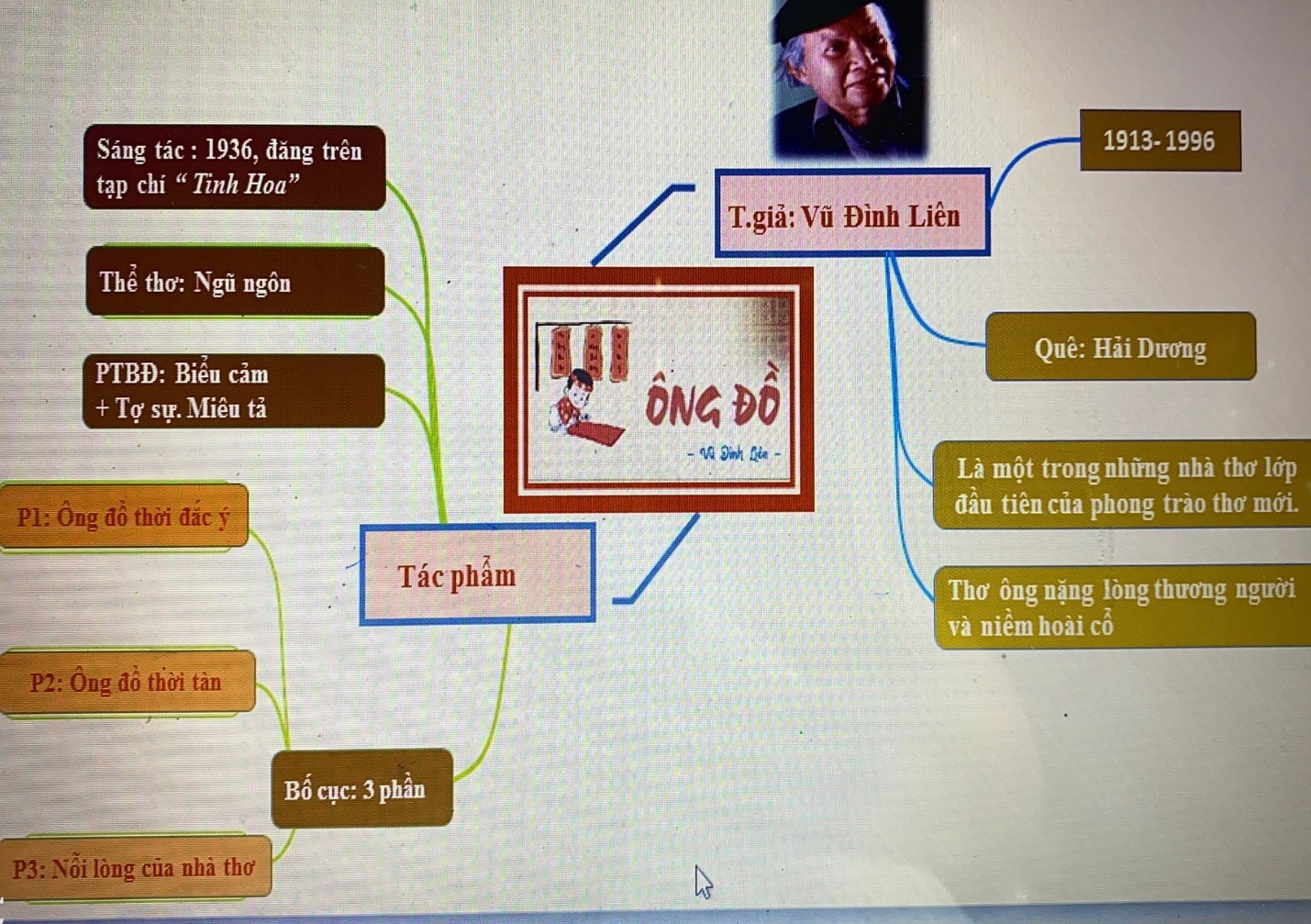
- **Bố cục**: 3 phần

+ Phần 1 (K1,2) : Hình ảnh ông đồ thời đắc ý

+ Phần 2 (K3,4): Hình ảnh ông đồ thời tàn lụi

+ Phần 3 (K5): Nỗi lòng của nhà thơ.

**Sản phẩm tổng hợp:**



**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm cặp đôi.

- Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.

Phiếu học tập số 1****

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.

- HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.

**B4: Kết luận, nhận định**

**HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

**GV**: Nhận xét thái độ làm việc và sp của các cặp đôi.

- Chốt kiến thức,

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**Hình ảnh ông Đồ thời đắc ý** ( khổ 1+2)

**a.Mục tiêu:** Giúp HS phân tích và nắm được nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của đoạn thơ, từ đó thấy được một nét đẹp văn hóa của dân tộc và yêu những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

**b.Nội dung:** GVđặt câu hỏi để tìm hiểu nội dung đoạn thơ

HS:Suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Chia lớp thành 4 nhóm, hoàn thành phiếu học tập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **Hình ảnh ông Đồ thời đắc ý**   **? Ông đồ xuất hiện trong bối cảnh nào (thời gian, không gian)? Hình ảnh ông đồ hiện lên ntn (công việc, tài năng)? Để làm nổi bật hình ảnh ông đồ, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì?** | | | |
| **Bối cảnh xuất hiện** | | **Hình ảnh ông đồ** | |
| **Thời gian** | **Không gian** | **Công việc** | **Tài năng** |
|  |  |  |  |
| **N.xét:** | | **N.xét:** | |

**Phiếu học tập số 2**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS:** Đọc hai khổ thơ và suy nghĩ thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi

**GV:** Hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được).  
? Ông đồ xuất hiện trong bối cảnh nào (Thời gian, không gian)?

? Em có nhận xét gì về bối cảnh đó?

? Hỉnh ảnh ông đồ hiện lên ntn? Câu thơ nào miêu tả công việc và tài năng của ông?

? Để làm nổi bật hình ảnh và tài năng của ông đồ, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV:** Yêu cầu nhóm trưởng trình bày kết quả thảo luận

**HS:** Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS

- Chốt nội dung (sản phẩm).

- Chuyển dẫn sang nội dung sau.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bối cảnh xuất hiện** | | **Hình ảnh ông đồ** | |
| **Thời gian** | **Không gian** | **Công việc** | **Tài năng** |
| Dịp tết đến xuân về ( hoa đào nở) | bên hè phố đông người qua lại. | + Viết câu đố (bày mực tàu giấy đỏ)  => phong tục ngày tết ở nước ta xưa.  **+ NT:** Cặp từ “ mỗi…lại…” cùng hình ảnh sóng đôi “ hoa đào” – “ ông đồ”=> cho thấy bước chuyển động của thời gian. Ông đồ xuất hiện không chỉ một năm mà hàng năm như một quy luật tuần hoàn của thời gian, không gian và con người | + Nét chữ đẹp, phóng khoáng, bay bổng, sinh động.  (như phượng múa rồng bay.)  + Thái độ của mọi người: Mọi người quí trọng, mến mộ tài năng của ông đồ.  **+ NT:** Hoán dụ (hoa tay), so sánh (như…), thành ngữ (phượng múa rồng bay)  => làm nổi bật tài hoa, cốt cách của ông đồ. |
| => Hoa đào là loài hoa đặc trưng cho ngày Tết cổ truyền của dân tộc VN. Hoa đào nở là báo hiệu Tết đã đến, xuân đã về. Ông Đồ là hình ảnh trung tâm của bức tranh xuân đó. Ông có mặt giữa mùa đẹp nhất, vui nhất, hạnh phúc nhất của con người, trong khung cảnh tấp nập đông vui khi Tết đến xuân về. | | => Cuộc sống của ông tràn đầy niềm vui, hạnh phúc. Sự tồn tại của ông đồ trong xã hội lúc bấy giờ là không thể thiếu. Mọi người quý trọng ông đồ là q*uí trọng một nếp sống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta, mến mộ các nhà Nho và chữ Nho.* Ông là người góp phần làm nên nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. | |

**Hòa hợp**

**Hòa hợp**

**- Nét phong tục tao nhã, nét văn hóa của dân tộc**

**- Niềm trân trọng của nhà thơ**

*GV: Theo phong tục, khi tết đến, người ta thường sắm câu đối họăc đôi chữ nho viết trên giấy đỏ hoặc lụa đỏ để dán trên vách, trên cột nhà, vừa để trang hoàng nhà cửa thêm đẹp, vừa để gửi gắm lời chúc tốt lành. Khi đó, người ta phải tìm đến ông đồ (người hay chữ). Ông đồ tài hoa và cốt cách là trung tâm của không gian ngày Tết. Đó là sự hòa hợp của các yếu tố thiên thời, địa lợi (thiên nhiên đẹp đẽ, ấm áp, không khí vui tươi với những bông hoa đào nở,...) và bên cạnh đó là sự hòa hợp của con người - nhân hòa (người thuê viết chữ ông rất đông). Hình ảnh của ông đồ xuất hiện trong ngày Tết là một nét phong tục tao nhã, một nét đẹp văn hóa của dân tộc. Qua hai khổ thơ đầu, chúng ta không chỉ thấy được sự trân trọng của mọi người mà còn thấy được tấm lòng trân trọng của nhà thơ đối với ông đồ cũng như đối với nét đẹp văn hóa dân tộc.*

*Nhưng đến những năm đầu TK20, nền Hán học (chữ nho) dần mất vị thế quan trọng khi chế độ thi cử PK bị bãi bỏ (Khoa thi cuối cùng vào năm 1915), một thành trì văn hóa cũ sụp đổ. Các nhà nho từ chỗ là nhân vật trung tâm trong đời sống VH tinh thần của dân tộc được XH tôn vinh bỗng chốc bước lạc hướng thời đại, bị bỏ quên và cuối cùng vắng bóng. Trẻ con không đi học chữ nho nữa mà học chữ Pháp, Nhật, quốc ngữ. Cuộc sống tây hóa khiến người ta không còn vui sắm câu đối chơi tết nữa. Ông đồ vắng bóng và biến mất trên đường phố ngày tết và trong tâm trí của mọi người. Và hình ảnh ông đồ được phác họa như thế nào, chúng ta chuyển sang khổ 3,4.*

**2. Hình ảnh ông đồ thời tàn lụi**

**a. Mục tiêu**: Hình dung rõ hình ảnh ông đồ thời tàn cùng thái độ của nhà thơ trước thực tại.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT khăn phủ bànđể tìm hiểu về hình ảnh ông đồ thời tàn lụi.

**HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

**c. Sản phảm:** Câu trả lời HS

**d. Tổ chức thực hiện.**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm lớp: 4 nhóm = 4 câu hỏi

- Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 3 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3,4.

- Thời gian: 7 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Tìm những chi tiết, hình ảnh cho thấy sự giống và khác nhau trong hai thời điểm ông đồ xuất hiện.** | |
| **Giống** | |
|  | |
| **Ông đồ thời đắc ý** | **Ông đồ thời tàn lụi** |
|  |  |
| **2. Trong hai câu thơ: “ Giấy đỏ buồn không thắm Mực đọng trong nghiên sầu” “ Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay”, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Giá trị biểu đạt của biện pháp nghệ thuật đó?** | |
| **3. Cảm nhận về hình ảnh ông đồ trong hai khổ thơ 3,4?** | |
| **4. Sự đối lập của hình ảnh ông đồ ở 4 khổ thơ đầu đã phản ánh điều gì trong đời sống văn hoá của dân tộc?** | |

***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 2.

**Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em phát hiện biện pháp NT nhân hóa, từ đó hiểu được nỗi buồn của con người,…

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**- Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).

- Đọc các khổ thơ 1,2,3,4

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:- Yêu cầu HS trình bày. Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:**- Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời của HS và Chốt kiến thức

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm giống và khác nhau ở hai khổ thơ sau với hai khổ thơ đầu | |
| **Ông đồ thời đắc ý** | **Ông đồ thời tàn lụi** |
| - Thời gian: tết đến xuân về  - Ông đồ vẫn ngồi bên hè phố cùng mực tàu, giấy đỏ | |
| - Bao nhiêu người thuê viết,  - Tấm tắc ngợi khen tài | - Người thuê viết nay đâu.  - Qua đường không ai hay (Thờ ơ, dửng dưng, không ai để ý đến sự có mặt của ông, quay lưng lại với một nét đẹp văn hóa. |
| 2. Tác giả đã nhân hoá “*giấy đỏ - buồn, nghiên – sầu”.* Trời đất, đồ vật dường như cũng ảm đạm, buồn bã cùng với ông đồ. Nỗi buồn tủi của ông đồ như thấm vào những vật vô tri, vô giác. | |
| 3. Ông đồ trở nên trơ trọi lạc lõng, tội nghiệp giữa dòng đời trôi chảy. Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc.  4. Đó chính là sự thay đổi trong đời sống văn hoá của người VN: Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị, một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc. | |

*GV: Giờ đây ông đồ trở nên trơ trọi lạc lõng, tội nghiệp giữa dòng đời trôi chảy, ông ngồi trong mưa bụi bay và lá vàng rơi trên giấy. Ông ngồi đấy lặng lẽ mà trong lòng ông là một tấn bi kịch, là sự sụp đổ hoàn toàn. Ông đồ ở 2 khổ thơ sau là ông đồ một thời tàn, bị bỏ rơi vào sự vô tình, lãng quên của mọi người. Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc. Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị, một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc. Hình ảnh ông đồ chính là “ di tích tiều tụy, đáng thương của một thời tàn” - nói như lời của tác giả. Và nhà thơ Tú Xương cũng đã phản ánh sự suy tàn của chữ nho:*

*“ Nào có hay gì cái chữ nho*

*Ông nghè, ông cống cũng nằm co…”*

**3. Nỗi lòng của nhà thơ**

**a.Mục tiêu**: HS hiểu được tình cảm, thái độ của nhà thơ đối với lớp nhà nho xưa, cảm xúc nuối tiếc một nét đẹp văn hóa dân tộc.

**b. Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về nỗi lòng của tác giả

**HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

1. Trong hai câu thơ đầu, tác giả sử dụng biện pháp NT gì? Tác dụng?

2. Câu hỏi tu từ cuối bài thể hiện tâm tư gì của nhà thơ? Qua đó, em hiểu nhà thơ là người như thế nào?

3. Trao đổi và chia sẻ để trả lời các câu hỏi.

**Phiếu bài tập số 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình ảnh ông đồ thời đắc ý** | **Hình ảnh ông đồ thời tàn** |
| **Khung cảnh** |  |  |
| **Hình ảnh ông đồ** |  |  |
| **Tình cảm của nhà thơ** |  |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: đọc ngữ liệu trong SGK (khổ 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi, trao đổi cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập.

**GV**: giải thích, bình thêm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV:**- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS**- Gọi HS trải lời câu hỏi

- Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS.

- Chốt kiến thức

**+ 2 câu đầu:**

- Sử dụng NT: phép đối: thấy >< không thấy.

- Kết cấu đầu cuối tương ứng

( Hình ảnh hoa đào) chặt chẽ làm nổi bật chủ đề: “Cảnh cũ người đâu”.

=> Sự thất thế, tàn tạ đáng buồn của ông đồ. Hình ảnh ông đồ đã trở thành dĩ vãng, vắng bóng trong cuộc sống hiện đại.

**+ 2 câu cuối:** Là một câu hỏi tu từ, một lời tự vấn của nhà thơ. Câu thơ chứa đầy cảm xúc và mang ý nghĩa khái quát. Từ hình ảnh ông đồ ngồi viết câu đối mỗi độ xuân về, nhà thơ đã nói đến cả một lớp “người muôn năm cũ”- những nhà Nho xưa.

=> Câu hỏi đã toát lên niềm thương cảm chân thành cho những nhà Nho danh giá một thời nay bị lãng quên do thời cuộc thay đổi.

- Thương tiếc những giá trị tinh thần tốt đẹp của dân tộc ta nay bị tàn tạ, lãng quên.

**=> Đó chính là tinh thần dân tộc, lòng yêu nước kín đáo của nhà thơ.**

**- Ông muốn nhắn nhủ thế hệ trẻ: hãy giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hóa của dân tộc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình ảnh ông đồ thời đắc ý** | **Hình ảnh ông đồ thời tàn** |
| **Khung cảnh** | Bức bức tranh xuân tươi tắn, rộn rã | Bức tranh xuân tàn lụi, ảm đạm, mưa bụi, lá vàng… |
| **Hình ảnh ông đồ** | Ông đồ là hình ảnh *trung tâm*, tài năng được mến mộ | Ông đồ *đáng thương, cô độc,* lạc lõng, bị mọi người quên lãng. |
| **Tình cảm của tác giả** | -Trân trọng, ngợi ca ông đồ  - Trân trọng chữ nho, thú chơi chữ – nét đẹp văn hoá của dân tộc. | -Xót thương cho một lớp người.  -Luyến tiếc khi nhìn thấy nét đẹp văn hóa của dân tộc bị phôi pha. |

**=> Sự tương phản làm nổi bật sự thăng trầm của số phận ông đồ, sự phai nhạt một nét đẹp văn hóa**

**=> Thể hiện cảm hứng thương người và hoài cổ của Vũ Đình Liên.**

**GV: Tổng hợp lại kiến thức:**

**Nỗi ngậm ngùi, xót thương, hoài niệm**

****

**III. TỔNG KẾT**

**a.Mục tiêu**: Khái quát được nội dung, nghệ thuật của bài thơ

**b.Nội dung**:

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi đểkhái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…

- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm theo bàn.Giao nhiệm vụ cho các nhóm:

? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?

? Nội dung chính của văn bản “Ông đồ”?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗtrợ (nếu HS gặp khókhăn).

**B3: Báo cáo, thảoluận**

**HS**báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).

**GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

- Nhận xét và chốt kiến thức:

**1. Nghệ thuật:**

- Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng, khai thác có hiệu quả. Giọng điệu chủ yếu của bài là ngậm ngùi, trầm lắng.

- Kết cấu tương phản, có hình ảnh đầu cuối lặp lại.

- Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị mà giàu sức gợi. Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ.

2. Nội dung:

- Tình cảnh thất thế, tàn tạ đáng thương của ông đồ.

- Niềm thương cảm của tác giả trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.

**3. Ý nghĩa:**

Khắc họa hình ảnh ông đồ, nhà thơ thể hiện nỗi tiếc nuối cho những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc đang bị tàn phai.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** *(15 phút)*

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học để chơi trò chơi ô chữ.

**b) Nội dung:**HS hoạt động cá nhân =>trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS? Hoàn thiện ô chữ trong trò chơi

1.Ô chữ có 11 chữ cái. Đây là một trong những nguồn cảm hứng lớn trong thơ Vũ Đình Liên.

2.Ô chữ có 6 chữ cái. Đây là tín hiệu mùa xuân đồng hiện với hình ảnh ông đồ trong khổ thơ thứ nhất.

3.Ô chữ có 9 chữ cái. Thủ pháp ngh**ệ thuật nổi bật được sử dụng trong bài thơ?**

dụng trong bài thơ *Ông đồ.*

Ô chữ có 6 chữ cái. Điền vào phần chấm của câu văn:

*Hình ảnh ông đồ dần biến mất sau làn ………*

Ô chữ có 6 chữ cái. Đây là thú chơi tao nhã của ông cha dịp Tết đến xuân về.

Ô chữ có 8 chữ cái. Điền vào phần chấm của hai câu thơ sau: *Năm nay đào lại nở, / Không thấy ………*

Từ chìa khóa: Ô chữ có 7 chữ cái. Một trong hai cảm hứng chính trong thơ Vũ Đình Liên?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**Chiếu trò chơi

**HS:**Chọn câu hỏi và trả lời – Tìm ra chữ chìa hóa: **HOÀI CỔ**

**4.Hoạt động 4: Vận dụng** *(5 phút)*

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Đoạn văn thuyết trình của hs

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ(GV)**

\* Tích hợp kiến thức môn Mỹ thuật, lĩnh vực văn hóa.

? Trưng bày một số bức tranh về chữ Nho và phong tục viết chữ Nho của dân tộc (ở chùa đầu xuân) Học sinh nêu cảm nhận về nét văn hóa truyền thống xưa.

? Các em làm gì để giữ gìn, phát huy những nét đẹp văn hóa của dân tộc?

**B2: Thực hiện nhiệm vụGV**gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản và qua quan sát, tìm hiểu của cá nhân.

**HS:** suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài ***“Tiếng gà trưa”***